

Bản án số: 868/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

2. Ông Võ Từ Xuân Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đài Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 526/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thái Thị Tuyết N, sinh năm 1963; địa chỉ: đường L, Phường M, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn :* Ông Nguyễn Long G, sinh năm 1954; địa chỉ: đường L, Phường M, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 10/5/2022, lời khai nguyên đơn Thái Thị Tuyết N trình bày:

Bà N và ông Nguyễn Long G tự nguyện kết hôn năm 1988, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Tp. Hồ Chí Minh ngày 13/4/1988 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37/1988. Quá trình chung sống hạnh phúc được hơn 30 năm thì bà phát hiện ông G không chung thủy, có bạn tình bên ngoài. Ông G đã xin lỗi và bà N đã tha thứ để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau đó, ông G không thay đổi, vẫn có quan hệ tình cảm bên ngoài nên bà không thể chịu đựng được nên yêu cầu ly hôn với ông G.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thái L, sinh năm 1988 và Nguyễn Thái C, sinh năm 1994; đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Long G trình bày: Bà N nghi ngờ ông về chuyện quan hệ tình cảm và làm đơn ly hôn, ông G không đồng ý ly hôn do ông không có lỗi gì.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Thái Thị Tuyết N trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với ông Nguyễn Long G

Bị đơn ông Nguyễn Long G trình bày: Ông G và bà N kết hôn, chung sống đã hơn ba mươi năm, tình cảm vợ chồng tuy không còn nhưng nghĩa vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Thái Thị Tuyết N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Long G có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 37/1988 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận T chứng nhận ngày 13/4/1988, quan hệ hôn nhân giữa bà Thái Thị Tuyết N và ông Nguyễn Long G là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn

Xét thấy, vợ chồng phải có trách nhiệm quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau nhằm tạo dựng hạnh phúc gia đình, nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông G phát sinh mâu thuẫn mà theo bà N trình bày là do ông G thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến bà, có quan hệ tình cảm ở bên ngoài, từ đó dẫn đến quan hệ vợ chồng không hạnh phúc. Bà N xác định không còn tình cảm với ông G, không còn khả năng hàn gắn quan hệ vợ chồng, yêu cầu xin được ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, ông G trình bày: Do bà N ghen tuông chứ không có việc ông có quan hệ tình cảm bên ngoài, ông không có lỗi và không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng phải do cả hai bên phải có sự tôn trọng và yêu thương nhau. Ông G cho rằng mình không có lỗi nhưng xác nhận có quan hệ xã hội rộng bên ngoài nên ít quan tâm đến bà N.

Tại văn bản ngày 09/5/2022, ông G đã viết: “Hiện chúng tôi thấy không hòa hợp và hết duyên phận với nhau cho nên chúng tôi tự nguyện không quan hệ vợ chồng”. Mặt sau văn bản này Công an Phường M, quận T xác nhận ông G có hộ khẩu thường trú tại địa phương.

Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa bà N và ông G tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ, nên chấm dứt quan hệ hôn nhân của các đương sự theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với pháp luật và thực tế để các bên ổn định đời sống.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thái L, sinh năm 1988 và Nguyễn Thái C, sinh năm 1994; đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 56; 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Tuyết N về việc “Ly hôn”.

2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị Tuyết N được ly hôn với ông Nguyễn Long G.

3. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thái L, sinh năm 1988 và Nguyễn Thái C, sinh năm 1994; đều đã thành niên.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Thái Thị Tuyết N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0031472 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Đương sự đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

9. Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị trong thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND QTB;
- Chi cục THADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Phước Lý